

Ban Dự án Hà Nội Tôi Yêu

® HDINVESTMENT.JSC

Đại Lễ 1000 năm Thăng Long

Làng nghề truyền thống



Hà Nội

Tập 1

Chịu trách nhiệm: Đinh Tiến Hoàng | Biên tập: Trần Thị Hương | Hiệu đính: Bùi Quang Tú

2010

Thư ngỏ

Hà Nội luôn là một địa danh văn hóa, kinh tế, chính trị của cả nước. Tìm hiểu các thông tin về kinh tế, văn hóa, giải trí....của Hà Nội luôn là một nhu cầu thiết yếu của nhiều tầng lớp nhân dân. Bên cạnh đó, năm 2010 là năm quan trọng, với rất nhiều những dịp lễ kỷ niệm lớn, đặc biệt là đại lễ 1000 năm Thăng Long. Đây là một cột mốc văn hóa, lịch sử được quan tâm của cả trong và ngoài nước. Đó chính là lí do chúng tôi lựa chọn chủ đề về Hà Nội để định hướng nội dung cho dự án chuỗi website Hà Nội.

Dự án chuỗi website về Hà Nội mang tên **Hà Nội Tôi Yêu** được công ty CP ĐT Hoàng Đạt triển khai thực hiện từ tháng 2 năm 2010. Với những nỗ lực, tâm huyết và tình yêu dành cho Hà Nội, các thành viên ban dự án đã cho ra những sản phẩm văn hóa gây được ấn tượng với độc giả yêu Hà Nội.

Đại Lễ 1000 năm Thăng Long đang đến rất gần, dự án cũng đang đi vào giai đoạn gấp rút hoàn thành để hòa chung không khí của ngày Đại Lễ.

Dự án là một bức tranh tổng thể, đi từ những sự kiện gắn với Đại Lễ, cũng như những góc sâu trong tâm hồn Hà Nội, những nếp sống, những cảm xúc của người Hà Nội.

Bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện chuỗi website về Hà Nội, Ban dự án còn cho ra mắt những ấn phẩm về Hà Nội. Chúng tôi đã dành nhiều tâm huyết để xây dựng Tủ sách Hà Nội với những ấn phẩm điện tử được tặng miễn phí cho quý bạn đọc. Chúng tôi hi vọng những tâm huyết này sẽ mang lại cho quý bạn đọc yêu Hà Nội những điều thú vị.

Tư liệu chúng tôi sử dụng để thực hiện những ấn phẩm này hoàn toàn được sưu tầm và biên tập từ các nguồn trên Internet nên không tránh được những thiếu sót. Một số tư liệu do lấy ở các nguồn thứ cấp, nên chúng tôi không thể trích dẫn nguồn đầy đủ. Chúng tôi mong nhận được sự thông cảm từ các tác giả.

Xin chân thành cảm ơn và mong nhận được những góp ý từ phía bạn đọc!

Ban dự án

Mục Lục

Thư gỗ.....	2
Làng làm bún Phú Đô	4
Làng lụa La Khê	5
Làng dệt thảo Triều Khúc	9
Làng nghề chạm khắc gỗ - Thiết Úng	12
Nghề làm đàn làng Đào Xá.....	14
Làng nghề thêu ren Quất Động	16
Hạ Thái - Làng nghề sơn mài truyền thống.....	19
Nón Làng Chuông.....	22
Làng đúc đồng Ngũ Xã.....	23
Nghề làm giấy làng Bưởi	28
Làng điêu khắc Sơn Đồng	30
Làng gốm Giang Cao.....	33
Làng Quạt Kẽ Vác.....	36

Làng làm bún Phú Đô

Bún Phú Đô - thứ bún có sợi tròn, trắng mềm, thơm ngon đặc biệt là một trong những tinh hoa ẩm thực của đất kinh kỳ ngàn năm văn hiến.



Làng làm bún Phú Đô là một ngôi làng nổi tiếng ở xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Để làm ra được những mẻ bún ngon, người thợ phải trải qua rất nhiều khâu phức tạp. Ngay từ khâu đầu, việc chọn lựa chất liệu làm bún đã rất khắt khe, phải lựa thứ gạo tẻ dẻo cơm, đem vo, đãi sạch rồi ngâm nước. Mùa hè thì ngâm già nửa buổi. Mùa đông thì ngâm non một ngày. Quy trình làm bún phải tuân thủ chặt chẽ rất nhiều khâu như đưa gạo vào xay nhuyển với nước để tạo thành thứ bột gạo dẻo, nhỏ, mịn; ủ bột và chất bỏ nước chua rồi đưa lên bàn ép vắt quả bột; nhào bột, đánh thành dung dịch lỏng rồi đưa qua màn lọc sạn, bụi tẩm để tạo ra tinh bột.

Sau đó, bột được đưa vào khuôn vắt thành sợi và đưa vào nồi luộc vài ba phút thì vớt bún ra, tráng qua nước lọc cho khỏi dính. Cuối cùng là vớt bún trong nồi nước tráng và dùng tay vắt thành con bún, lá bún, hoặc bún rối. Bún thành phẩm được đặt trên các thúng tre có lót sẵn lá chuối, hong khô và ủ trước khi đem ra chợ bán.

Có thật nhiều món ăn kèm với bún: nào bún riêu, bún ốc, bún thang, bún mọc, bún ngan, bún vịt, bún đậu chấm mắm tôm.... Mỗi món ăn lại có một vị riêng, nhưng chắc rằng với những người sành ăn bún thì không thể nào quên được những sợi bún mềm, trắng trong và mát mịn của bún Phú Đô - món quà đại diện cho tinh hoa ẩm thực của đất kinh kỳ.

Làng lụa La Khê

Nghề dệt the lụa ở làng La Khê nay là phường La Khê (quận Hà Đông) phát triển rực rỡ vào thế kỷ 17, được ca tụng trong dân gian: "The La, lụa Vạn, chồi Phụng". Sau nhiều năm bị mai một, đến nay, nghề dệt the ở La Khê đã được hồi sinh.



Sản phẩm lụa tơ tằm La Khê

Làng La Khê từ xa xưa đã nổi tiếng là vùng đất tằm tơ, dệt lụa. Làng được hình thành từ thế kỷ thứ 5, lúc đầu có tên là La Ninh, "La" là lụa, "Ninh" là sự thịnh vượng, lâu bền. Đất làng do phù sa sông Hồng, sông Đáy, sông Nhuệ bồi đắp nên, vì vậy rất màu mỡ, thích hợp cho nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ. Sang thế kỷ 15, làng La Ninh đổi thành La Khê (làng dệt lụa bên dòng sông nhỏ). Nhưng các sản phẩm dệt của làng vẫn còn thô sơ, chủ yếu là sồi, đũi, phục vụ cư dân chốn kinh kỳ Thăng Long xưa. Đến đầu thế kỷ 17, người Hán ở vùng Lương Quảng (Trung Quốc) sang Việt Nam mang theo nghề dệt thủ công. Trong số đó, có mười gia đình người Hoa đã đến lập nghiệp ở đất La Khê, đem nghề dệt the, sa nhuộm đen và công nghệ dệt tiên tiến dạy lại cho dân làng. Thời đó, hầu hết dân làng La Khê đều sống bằng nghề canh cửi. Các sản phẩm the, sa, vân, địa, quế, gấm vóc của La Khê với những họa tiết, hoa văn tinh xảo. So với sồi, đũi, loại hàng the, sa mỏng, nhẹ hơn, nhưng lại rất bền và đẹp, được lựa chọn để may trang phục cho các tầng lớp quý tộc trong xã hội phong kiến xưa... Năm 1823, triều đình nhà Nguyễn cho phép lập La Khê thành một xưởng dệt cho kinh thành Huế, cả làng được miễn đi lính để phục vụ cho việc phát triển nghề.

Chợ Cầu Đor, một tháng sáu phiên là nơi người dân trong làng bán buôn, để từ đó thứ sản phẩm cao cấp này đi khắp dọc dài đất nước. Nghề dệt the ở La Khê phát triển mạnh, không những cung cấp cho thị trường trong nước mà còn xuất khẩu sang châu Âu. Vào đầu thế kỷ 20, các nghệ nhân làng nghề còn được phong cửu phẩm, bá hộ và the làng La được mang triển lãm ở Pa-ri...

Sau năm 1954, để dồn sức cho công cuộc cải tạo, xây dựng XHCN và chi viện cho chiến trường miền nam, nghề dệt the tạm lắng, cả làng La Khê quay sang dệt vải bông, khăn mặt, thảm đay... phục vụ sinh hoạt trong thời chiến. Đất nước thống nhất, nhưng trước nhịp sống hiện đại, đòi hỏi sự tiện lợi thì các loại trang phục cũng thay đổi cho thích ứng, nghề dệt the của làng mai một dần, tưởng chừng như rơi vào quên lãng...



Cho đến năm 2002, nhờ có chính sách của Nhà nước khuyến khích khôi phục làng nghề truyền thống, cùng với quyết tâm phục hồi nghề Tổ, Ban chủ nhiệm HTX nông nghiệp La Khê đã tìm cách khôi phục nghề dệt the truyền thống. Cái khó lúc này là phần lớn người dân La Khê, qua mấy thế hệ không làm nghề, quên hết cách dệt the, khung dệt đã phá hết rồi, làm sao phục dựng lại được. Việc phục dựng nghề trông cậy phần lớn các nghệ nhân lúc này đều đã trên dưới tuổi "thất thập" trong làng, tâm huyết với nghề, quyết truyền nghề truyền thống cho lớp con cháu. Các cụ Nguyễn Công Toàn, Nguyễn Học Biểu... nhớ lại từng chi tiết cấu tạo khung cửi, rồi phục chế khung dệt, trên tinh thần vừa thừa kế, vừa cải tiến để trở thành cỗ máy vừa dễ vận hành, vừa cho năng suất cao. Sau khi lắp đặt thành công và sản xuất được những tấm the đạt chất lượng tốt, HTX đã đầu tư hơn 200 triệu đồng, lắp đặt 11 máy dệt và mở lớp dạy nghề cho lao động trong làng.

Nghệ nhân Nguyễn Công Toàn - người từng là chủ nhiệm HTX thủ công phụ trách 200 khung dệt của làng từ năm 1960, trực tiếp đào tạo cách dệt the cho gần 30 thanh niên trong làng. Những người thợ trẻ từ chỗ chưa bao giờ sờ tay vào khung dệt, sau vài tháng được các nghệ nhân chỉ bảo, truyền nghề, đã biết dệt thành thạo các mẫu hoa văn.

Trong lớp hậu duệ ở La Khê, đã có những người thợ trẻ yêu nghề như anh Lê Đăng Toàn, người dường như có "duyên" với the La Khê đã tiếp thu rất nhanh kỹ thuật dệt the. Từ chỗ chỉ vì tò mò mà học, giờ đây anh Toàn đã sẵn sàng "sống chết" với nghề. Từng công đoạn của nghề từ go sợi, lên máy, dựng máy đến thắm go, sô nan và đục bìa (vẽ hoa để dệt) ở từng mẫu hàng như: the, sa, vân, xuyên, băng, là... được anh Toàn thuộc lòng. Anh Toàn cho biết: "Vẽ hoa để dệt được coi là một trong những công đoạn khó nhất của nghề bởi không chỉ như vẽ một bức tranh, người vẽ mẫu để dệt phải tính toán từng đường nét sao cho cân đối, lúc dệt lên tấm the không bị xô, bị dẹt". Nghề dệt the nhiều công phu, có mẫu hàng dệt tới nửa năm, nhanh nhất cũng phải hai tháng. Điển hình như mẫu áo Thủy Ba do một Việt kiều tại Mỹ đặt làm phải mất bốn tháng đục bìa dệt và hai tháng dâng máy cho một tấm the dài 2,5 m. Những người thợ dệt the La Khê phải vào tận cố đô Huế xem các mẫu dệt để về khôi phục lại. Công sức không phụ lòng người, đến nay, những người thợ dệt the La Khê đã sáng tạo ra hơn 20 mẫu hoa văn để dệt thành những tấm vải the hoa, trong đó có không ít những mẫu hoa văn cầu kỳ, với họa tiết cách điệu những hình tượng văn hóa dân gian như "tứ linh" (long, ly, quy, phượng), "tứ quý" (tùng, cúc, trúc, mai) hay hình song hạc, mây trời, hoa sen, chữ thọ... Năm 2007, sản phẩm the La Khê được trao Cúp vàng thương hiệu Việt tại Triển lãm Hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam. Đây là một sự ghi nhận sự hồi sinh của làng nghề truyền thống.

Dù nghề dệt the cổ truyền của La Khê đã hồi phục, nhưng để nghề dệt the phát triển, tiếp cận được thị trường, vẫn là bài toán khó mà chính quyền phường, Ban chủ nhiệm HTX dệt La Khê "loay hoay" bao lâu nay mà vẫn chưa tìm được giải pháp. Hiện tại the La Khê đang rất "bí" thị trường "đầu ra". Phó Chủ nhiệm HTX dệt La Khê Bạch Hồng Ân cho biết: Hằng năm, HTX ký hợp đồng với Ban tổ chức các lễ hội sản xuất hơn 1.000 m vải cao cấp để may các bộ lễ phục và khoảng từ 5.000 đến 7.000 m vải để may quần áo thường ngày.

Mặc dù sản phẩm the lụa có nhiều ưu điểm như mềm mại, thoáng mát, điều hòa thân nhiệt tốt, không bị nhăn, bị xô, rạn, nhưng rõ ràng chưa cạnh tranh được với các sản phẩm sợi tổng hợp, may công nghiệp. The lụa La Khê được sản xuất từ sợi tơ tằm chất lượng cao, dệt thủ công, cho nên giá thành tương đối cao.

Trung bình một mét sản phẩm có giá 90 nghìn đồng. Một chiếc áo sơ-mi có giá từ 200 nghìn đến 300 nghìn đồng, khá cao so với sản phẩm may công nghiệp. Các thành viên trong Ban chủ nhiệm HTX đã từng nhiều lần chào hàng, đưa sản phẩm ký gửi tại các cửa hàng tơ lụa thời trang trên tuyến phố Hàng Gai, Hàng Bông, nhưng sản phẩm tiêu thụ chậm. Thị trường đầu ra chưa ổn định, tác động ngược lại sản xuất, khiến sản xuất cầm chừng. Cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm của HTX dệt La Khê nằm ngay bên cạnh Khu di tích lịch sử Bia Bà, rất thưa vắng khách xem và mua hàng. Nhân viên bán hàng cho biết: Ngày rằm, mùng một, khách đi lễ đông, cửa hàng bán được vài chiếc áo, nhưng ngày thường chỉ bán được một, hai sản phẩm. Mỗi lần đến thăm khu xưởng dệt rộng hơn 300 m² với hơn chục máy dệt, chỉ bắt gặp một, hai khung dệt hoạt động. Hoạt động cầm chừng, sản phẩm không bán được đại trà, thu nhập của công nhân dệt khá khiêm tốn, chỉ dưới 1 triệu đồng/tháng. Bởi vậy, cho dù rất tự hào về nghề cổ truyền và mong ước nghề được khôi phục, phát triển nhưng những người thợ ở đây vẫn chưa thể mặn mà với khung dệt. Trước nhu cầu cuộc sống, họ đành phải bươn chải với nhiều nghề khác để có thu nhập cao hơn... Hơn 20 thợ dệt trẻ được các nghệ nhân truyền nghề, nay chỉ còn khoảng mười người làm việc ở HTX. Nhiều lần HTX thông báo tuyển công nhân nhưng chẳng nhận được thông tin hồi âm từ người dân. Bà Ân cho biết: Có những hợp đồng lớn đặt chúng tôi làm ba, bốn nghìn mét vải trong thời gian ngắn mà HTX không dám nhận vì biết không thể hoàn thành hợp đồng.

Giữ gìn và phục hồi những nghề thủ công truyền thống như nghề dệt the lụa ở La Khê là những việc làm rất đáng trân trọng. Càng có giá trị hơn trong thời điểm cả nước đang hướng tới Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội. Những người tâm huyết với nghề dệt the lụa ở La Khê rất mong muốn được sự quan tâm, hỗ trợ từ nhiều phía của các cấp, các ngành, các tổ chức kinh tế về xây dựng chiến lược tiếp thị sản phẩm, tiếp cận thị trường, hợp tác đầu tư mở rộng sản xuất... để nghề dệt the lụa phát triển mạnh hơn, được cả thị trường trong và ngoài nước ghi nhận.

Làng dệt thêu Triều Khúc

Nằm trên con đường Hà Nội- Hà Đông, cách trung tâm thành phố chừng 8km, làng Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì- Hà Nội trước đây có tên nôm là Đơ Thao. Cùng 36 phố phường, các làng nghề vàng bạc Định Công, gốm sứ Bát Tràng..., làng Triều Khúc với nghề dệt thêu truyền thống từ lâu đã có một vị trí không nhỏ, góp phần tạo nên nét đặc sắc, nét văn hoá riêng cho chốn kinh kỳ phồn hoa đô hội Thăng Long- Đông Đô- Hà Nội.



Có thể nói, chắc chắn không phải ngẫu nhiên khi sản phẩm của làng nghề Triều Khúc được in dấu trong câu ca dân gian:

Làng tôi công nghệ đâu bằng

Là làng Triều Khúc ở gần Thanh Xuân

Quai thao dệt khéo vô ngần

Là nghề của Vũ Sứ Thần dạy cho

Tương truyền, vào khoảng thế kỷ 18, có một kỳ nhân, tục danh là Vũ Sứ Thần đã du ngoạn qua đây, thấy mảnh đất tốt tươi, đẹp đẽ, hiền hoà, cư dân cần cù chăm chỉ bèn ở lại truyền dạy nghề cho làng rồi mới ra đi. Từ đó Triều Khúc có nghề dệt thêu.

Trải qua hơn 300 năm, tiếp nối nghề người xưa truyền lại, người dân làng Triều Khúc đã không ngừng đẩy mạnh, phát triển nghề của làng, đưa sản phẩm bao gồm những chiếc quai thao nón thúng, tua cờ, chân chỉ qui môn... đi khắp mọi miền đất nước và không những thế còn vượt ra ngoài biên giới xuất khẩu sang một số quốc gia khác như nước bạn Lào.

Các cụ lớn tuổi trong làng kể rằng, ngày xưa, nghề dệt thao của làng phát đạt lắm, cả làng như một công xưởng lớn, cha mẹ cùng các bậc tôn trưởng trong làng sản xuất ra sản phẩm không đủ tiêu thụ. Cuộc sống của làng nhờ thế trở nên sung túc. Nhưng rồi, thời gian "bãi bể nương dâu", khi khoa học kỹ thuật phát triển, nhu cầu của người dân thay đổi, những khung dệt thủ công được thay đổi bằng máy dệt, nhưng chiếc nón quai thao duyên dáng là thế của người con gái xứ Bắc được thay bằng nón Huế, nón chuông và các loại mũ thời trang khác... nghề dệt thao cũng dần chìm xuống.



Ông Nguyễn Duy Trương- nguyên Chủ tịch xã Tân Triều cho biết: từ năm 1954 khi các sản phẩm truyền thống không còn được chuộng nữa, cùng với hoàn cảnh lịch sử lúc ấy, khi cả nước đang sôi sục trong không khí cách mạng đấu tranh, thống nhất đất nước, người làm nghề dệt Triều Khúc đã theo tiếng gọi của non sông, thành lập HTX Tân Triều chuyên sản xuất các mặt hàng khăn mặt, dây súng, dây giày, băng huân chương... phục vụ ngành an ninh, quốc phòng.

Những tưởng với bước ngoặt này, Triều Khúc sẽ êm đềm trôi theo nghiệp mới. Vậy mà, sau thời phồn thịnh: năm 1992-1993, giai đoạn 1994-1995, do không cạnh tranh được với các mặt hàng Trung Quốc, HTX đứng trước bờ vực giải thể, khó khăn chồng chất, thu nhập từ sản xuất không đủ trang trải cuộc sống càn bộ xã viên. Nhiều người đã phải rời bỏ nghề chuyển sang buôn bán phế liệu, chuyển sang các cơ sở dệt khác...

Không cuốn theo cơn lốc thị trường, một lòng gìn giữ "nghề của làng", một số gia đình các nghệ nhân, trong đó có cụ Trí Đăng, cụ Vạn Thể... vẫn duy trì nghề truyền thống của cha ông. Các cụ cùng con cháu vẫn xuất những mặt hàng độn tóc, con cù, chân chỉ qui môn... Với tâm niệm, cố gắng gìn giữ lại nghề quý cha ông cho đời sau, mặc cho thu nhập chẳng đáng là bao, khoảng 3000 đồng/sản phẩm.

Một người cháu, có thể nói là truyền nhân duy nhất của cổ nghề nhân Trí dâng cho biết, muốn làm thông thạo nghề này, từ các qui trình: se, dệt đến nhuộm và tết ra một chiếc quai thao nón thúng hay con cù, chân chì hạt bột... người thợ cũng phải tốn 2-3 năm học nghề. Vả lại, không phải ai cũng học nghề này, bởi cần phải thực sự yêu nghề và có tính cần cù nhẫn nại mới có thể thành công. Trong khi đó, lúc thành nghề thì thu nhập rất thấp lại khá "phập phù". Đơn cử như mặt hàng này chỉ sản xuất theo thời vụ mà thôi, thông thường khoảng tháng 8 để tiêu thụ dịp cuối năm và cho các lễ hội dân tộc đầu năm, chưa tính đến việc thương lái ép giá trong những thời điểm ế hàng.



Từng bước, nhờ mô hình sản xuất mới, cộng thêm sự năng động, sáng tạo của mỗi người dân, người thợ trong làng, nghề dệt Triều Khúc nói riêng và Tân Triều nói chung đã trở lại quỹ đạo, làm ăn ngày càng phát đạt. Thu nhập của người thợ sản xuất nghề dệt, nghề se sợi tăng lên đáng kể, trung bình từ 500-600 ngàn đồng/người; số hộ giàu vốn có từ 500 triệu trở lên chiếm tới gần 10% trong số 500 hộ, gia đình tại Triều Khúc.

Tuy nhiên, đến với Triều Khúc, điều đáng mừng là dù các nghề mới như buôn bán phế liệu, dệt, se sợi... đang trên đà tấn tới, đi lên nhưng nghề dệt thao của làng dường như không "gục ngã" và đang còn chứa trong mình một sức sống âm ỉ như những mầm cây chờ đợi mùa xuân tới để nảy lộc đâm chồi. Hy vọng cùng với chính sách giữ gìn, phát huy làng nghề và di sản văn hoá, Nhà nước sẽ có những giải pháp thích hợp để khuyến khích phát triển nghề dệt thao Triều Khúc nói riêng và nghề truyền thống của các làng trong toàn quốc.

Làng nghề chạm khắc gỗ - Thiết Úng

Ngày 26/2/2010, thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh (TP. Hà Nội) đã tổ chức lễ đón nhận và rước Bằng công nhận Làng nghề điêu khắc gỗ mỹ nghệ truyền thống Hà Nội. Được biết, nghề chạm khắc gỗ mỹ nghệ hình thành ở Thiết Úng từ thế kỷ XVII, đã được triều đình phong kiến hai lần ban sắc phong, ca ngợi tay nghề chạm khắc trên các chất liệu gỗ và ngà voi do các nghệ nhân thực hiện.



Những năm gần đây, nghề chạm khắc gỗ mỹ nghệ phát triển mạnh và trở thành nghề chủ yếu của địa phương. Thu nhập bình quân đầu người đạt 8.400.000 đồng đến 14.400.000 đồng/người/năm. Tổng giá trị sản xuất gỗ mỹ nghệ ước đạt hơn 20 tỷ đồng/năm. Gần đây, làng nghề áp dụng công nghệ, thiết bị mới vào sản xuất giúp giảm 30% đến 50% sức lao động thủ công, kinh tế làng nghề phát triển đảm bảo việc làm cho lao động trong làng, xã và lao động phổ thông cho các vùng lân cận. Năm 2009, mặc dù chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, giá cả vật tư, nhân công biến động mạnh, sản xuất gặp nhiều khó khăn song với nỗ lực của nhân dân làng nghề, việc sản xuất vẫn được duy trì và phát triển, kinh tế làng nghề vẫn đảm bảo mức tăng trưởng cao hơn năm 2008.

Hiện nay cả thôn có khoảng 85% các hộ gia đình theo nghề, sản phẩm của làng có nhiều thay đổi, không chỉ dừng lại ở việc chế tác các mẫu tượng mà đang phát triển dòng sản phẩm gỗ tiêu dùng như giường tủ, bàn ghế nội thất phục vụ trong nước và xuất khẩu. Làng đã có 9 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội.



Tuy nhiên, cũng như nhiều làng nghề khác, làng nghề truyền thống gỗ mỹ nghệ Thiết Úng cũng đang gặp nhiều khó khăn về vốn, mặt bằng sản xuất, giải quyết ô nhiễm môi trường, thiết kế mẫu mã và tìm đầu ra cho sản phẩm. Để làng nghề tiếp tục phát huy thế mạnh kinh tế, chính trị, văn hóa, người dân Thiết Úng rất mong TP. Hà Nội tiếp tục quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ làng nghề trong việc xác định vị trí quy hoạch khu trung tâm làng nghề (bao gồm khu sản xuất tập trung, khu trưng bày sản phẩm phục vụ du lịch làng nghề...), khu chứa nguyên vật liệu sản xuất; nghiên cứu lập dự án xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề đảm bảo sức khỏe, đời sống của nhân dân; tạo điều kiện cho các hộ, cơ sở sản xuất vay vốn với lãi suất ưu đãi để đầu tư mở rộng sản xuất; hỗ trợ kinh phí khuyến công đào tạo nghề, hướng dẫn áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phổ biến kiến thức quản lý kinh doanh, marketing...

Nghề làm đàn làng Đào Xá

Vào thời Nguyễn, làng này thuộc huyện Sơn Minh phủ Ứng Thiên trấn Sơn Nam Thượng (sau là phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Nội). Đây là làng nghề nổi tiếng với các sản phẩm nhạc cụ dân tộc Việt Nam. Các loại đàn được sản xuất ở đây gồm: đàn bầu, đàn tam thập lục, đàn đáy, đàn nguyệt, đàn tì bà... cho đến những cây đàn nhị, đàn hồ, đàn líu.

Cách đây gần 200 năm, làng có cụ Đào Xuân Lan vốn có máu nghệ sĩ, lại ham học hỏi đã hành hương sang xứ Bắc rồi mang nghề về làng. Ban đầu cũng chỉ dạy cho người trong họ, để trong lúc nông nhàn có thêm việc và cũng là hợp với hoàn cảnh lúc bấy giờ, các đám hát, phường hội rất cần những đàn tam, đàn tứ, tì bà... Rồi nghề phát triển khắp làng, việc buôn bán thịnh vượng ở cửa hàng trên thành phố. Từ đó nghề làm nhạc cụ trở thành nghề truyền thống của Đào Xá. Ngôi nhà thờ cụ tổ nghề Đào Xuân Lan được con cháu xây cất trong khuôn viên của ngôi nhà xưa. Hàng năm vào ngày giỗ cụ, người trong làng theo nghề vẫn đến đây hương đèn ẩm cúng.



Nghệ nhân làng Đào Xá

Cả làng hiện chỉ có khoảng 20 hộ theo nghề. Đàn của Đào Xá làm ra đã nổi tiếng trong Nam, ngoài Bắc. Không cuộc thi hay buổi biểu diễn âm nhạc dân tộc nào mà lại vắng mặt nhạc cụ do làng Đào Xá làm ra. Tiếng lành đồn xa nên các bạn bè quốc tế đến Việt Nam cũng cất công đến Đào Xá để đặt mua cho mình một cây đàn làm quà. Những thành quả đó không phải ngẫu nhiên mà có, nó xuất phát từ chính con tim khối óc của những người thợ yêu nghề vì nghề làm nhạc cụ truyền thống cũng lắm công phu.

Để ra được một cây đàn như ý phải trải qua rất nhiều công đoạn cùng với sự tỉ mỉ và tài hoa của những người thợ lành nghề. Người thợ phải thạo, hay ít ra là biết nghề mộc, chưa kể nghề đàn trọng cái tai, cái mắt. Bởi cái chuẩn của sản phẩm không phải chỉ nhìn thấy đẹp mà còn phải nghe thấy hay. Gỗ làm đàn thường là gỗ trắc và gỗ vông. Qua các công đoạn xử lý, gỗ được pha đúng độ dày mỏng, to bé. Người thợ chuẩn bị khuôn làm hộp đàn cho phù hợp, sau đó đến công đoạn ghép cần và hộp. Nếu hộp đàn có thành là gỗ trắc, mặt gỗ vông thì cần đàn lại là loại gỗ trắc được tiện gọt trang trí kĩ lưỡng. Để theo được cái nghề lăm công phu này thì người thợ cũng phải mất 2-3 năm và phải có tâm với nghề. Từ khâu chọn gỗ, ra gỗ, phơi gỗ cho đến công đoạn chắp, ghép, bịt da trăn, đánh bóng, trau chuốt, khảm trai và hoàn thiện... tất cả đều được làm theo phương pháp thủ công đúng với kĩ thuật của ngày xưa để lại. Những ai đã theo nghề này thì đều có thể làm được tất cả các loại đàn dân tộc một cách thuần thục. Nhưng qua n trọng hơn cả là người làm nghề này đều phải có kiến thức về âm nhạc. Cùng một loại đàn nhưng mang những âm hưởng khác nhau như âm thổ, kim thì những người thợ đều làm rất chính xác, ít khi bị khách hàng trả về. Từ xưa đến nay, những người làm nghề chỉ biết dựa vào những kiến thức của cha ông truyền lại để làm ra những loại đàn mang những âm sắc khác nhau chứ không một người nào làm nghề ở làng được đào tạo qua trường nhạc mà biết nhạc lí hay đánh đàn cả. Để xác định xem làm đàn mang âm sắc nào thì chỉ dựa vào kinh nghiệm để tìm loại vật liệu làm cho phù hợp, không hề có một công thức hay sách vở nào để dựa vào làm theo.

Giờ đây Đào Xá đã thành đất Thủ đô, nhưng nếp quê và cách sinh hoạt của người dân thôn thì vẫn vậy. Phải chăng, chính khung cảnh này đã nuôi dưỡng những con người hồn hậu để hằng ngày họ chăm chút tạo nên những sản phẩm tinh thần quý giá cho người đời. Đàn Đào Xá đã qua độ khốn khó, phần nào nắm bắt được cơ chế thị trường, đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng nên đã có vị trí xứng đáng cùng với sự trở về của âm nhạc truyền thống.

Nhìn thấy niềm vui từ đôi mắt của những người thợ lâu năm khi con cháu mình đang ngày ngày cần mẫn tiếp thu lại những nét tinh túy của nghề mà thật cảm động. Niềm vui đó không chỉ vì một nghề truyền thống được kế thừa mà trên tất cả đó là người dân Đào Xá đã mang được cái tinh túy của quê hương góp mặt cho Hà Thành một nghề đặc biệt, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa tinh thần của nền âm nhạc quốc gia Việt Nam.

Làng nghề thêu ren Quất Động

Nghề thêu có ở nhiều địa phương, nhưng đạt đến trình độ tinh xảo và kỹ thuật điêu luyện thì không đâu bằng người làng Quất Động, xã Quất Động, huyện Thường Tín (Hà Nội). Theo gia phả còn lưu giữ, người có công truyền dạy nghề cho dân làng là ông Lê Công Hành, sống vào khoảng thế kỷ XVII. Từ đó, ông được tôn là tổ nghề thêu và cứ vào ngày mất của ông (12/6 hàng năm), dân làng Quất Động lại tổ chức tế lễ rất trang trọng để tưởng nhớ công ơn vị tổ đã truyền dạy nghề thêu cho dân làng.

Xưa kia, thợ thêu Quất Động cũng như thợ thêu các nơi chỉ làm các loại nghi môn, trướng, câu đối treo ở đình, chùa và các loại khăn chầu, áo ngự của vua chúa. Kỹ thuật thêu cũng đơn giản, màu sắc cũng chưa phong phú như ngày nay (dùng 5 màu chỉ: Vàng, đỏ, tím, xanh, lục). Đầu thế kỷ XX, nghề thêu phát triển và kỹ thuật thêu ngày càng tinh tế, khéo léo hơn gồm thêu trắng, thêu màu nổi, thêu cuốn, thêu kim tuyến... Đến nay, các nghệ nhân của làng có thể thêu được rất nhiều sản phẩm khác nhau, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường; từ thêu chăn, ga, gối, đệm, khăn trải bàn, khăn ăn... đến các sản phẩm cao cấp như: Áo thêu, tranh thêu... Những sản phẩm của Quất Động rất tinh vi và hiện đại, thu hút rất nhiều khách hàng gần xa, nhất là thị trường các nước ở châu Âu.



Nghệ nhân thêu làng Quất Động

Người thợ thêu phải có đôi tay khéo léo

Thêu là một nghề thủ công đòi hỏi người thợ phải có đôi bàn tay khéo léo, tài hoa, đôi mắt tinh tường cộng với bộ óc tinh tế và đức tính cẩn thận, cần mẫn. Nhìn những người thợ làm việc, chúng ta có cảm tưởng họ rất nhàn nhã, nhưng thực ra đó là một nghề đòi hỏi sự bền bỉ và siêng năng. Những đức tính, năng khiếu là yêu cầu cơ bản đối với mỗi thợ thêu, nhằm tạo ra sản phẩm hợp màu sắc và hoa văn trên nền lụa, vải.

Ông Tạ Văn Thường, Chủ tịch UBND xã Quất Động cho biết: Đối với nghề thêu, công phu nhất vẫn là thêu các đường lượn, đường viền, các khối hình, thêu nổi gân lá, đài hoa, mắt phượng... Người thêu phải khéo léo làm cho những sợi chỉ hòa quyện, mịn màng như một thể thống nhất, không một lỗi chân chỉ hay trái canh. Đường chỉ càng đều luyện, mịn màng, chân chỉ càng lẩn bao nhiêu, sản phẩm càng có giá trị cao, nghệ thuật thẩm mỹ càng đến độ tuyệt vời.



Bức tranh thêu tay của các nghệ nhân làng Quất Động

Lao động của người thợ thêu không khác gì lao động của một nghệ sĩ dân gian, một họa sĩ tài năng. Chỉ bằng dụng cụ đơn giản, tay kim, sợi chỉ màu, hình mẫu, những tác phẩm hoàn chỉnh từ từ hiện lên mềm mại, sống động, tươi tắn và kiều diễm như thật. Một số nghệ nhân còn thêu được những tác phẩm nghệ thuật, các bức thêu truyền thần và sáng tạo những tác phẩm theo mẫu mới. Các tranh thêu: Chân dung Lê Nin trên diễn đàn, Nhà Bác Hồ ở Kim Liên, Chùa Một Cột, chân dung Bác Hồ... thể hiện đường kim, mũi chỉ đều luyện, với những đường nét hội họa hiện đại đã để lại cho đời những tác phẩm vĩnh hằng. Sự cần cù và khéo léo của người dân Quất Động là rất đáng khâm phục.

Vất vả lắm mới có được bức thêu đẹp!

Ông Tạ Văn Sở, Phó Chủ tịch Hiệp hội thêu ren Hà Nội và cũng là người trực tiếp thiết kế các mẫu thêu tâm sự: Hàng thêu của Quất Động đã xuất hiện ở khắp nơi trên thế giới như: Liên minh châu Âu, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Mỹ... Tuy nhiên, với ngày công từ 20.000 – 30.000 đồng/người/ngày như hiện nay, nếu không được Nhà nước quan tâm, hỗ trợ thì nghề sẽ bị mai một dần. Có những bức thêu phải đầu tư mất vài ba chục, thậm chí hàng trăm ngày công, thế nhưng cuối cùng cũng chỉ bán được 500.000 – 600.000 đồng. Thêu ren là lao động nghệ thuật; khi kinh tế phát triển thì nghề thêu cũng phát triển và ngược lại.

Tranh thêu nghệ thuật truyền thống của dân tộc đã làm nên sức sống trong lòng người yêu tranh, với những bức tranh mang đậm hồn quê với cây đa, giếng nước, sân đình thơ mộng và hiền hòa. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, một làng nghề thêu tranh như Quất Động phát triển được không phải là chuyện dễ dàng. Để làm được điều đó, Quất Động đã biết cách kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố truyền thống với hơi thở thời đại, làm hồi sinh một dòng tranh nổi tiếng, một làng nghề tưởng chừng như chỉ còn trong những câu chuyện huyền thoại.

Công lao là thế, gian truân là thế và hạnh phúc cũng là thế. Hẳn người thợ thêu Quất Động nào cũng rất tự hào khi tranh thêu Quất Động đã trở thành nét văn hóa, là món quà cao quý mang hồn sắc của quê hương. Mặc dù, đời sống của người thợ thêu vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng họ vẫn đang từng ngày vẽ lên những khúc nhạc thơ tuyệt mỹ, làm sống dậy một nghề truyền thống lâu đời: Nghề thêu tay.

Hạ Thái – Làng nghề sơn mài truyền thống

Làng nghề sơn son, thép vàng và sơn mài Hạ Thái là một trong những làng nghề truyền thống nổi tiếng của Hà Nội. Cùng với sự phát triển của kỹ thuật, nhu cầu của xã hội, làng nghề đang có những biến đổi lớn.

Kỹ thuật truyền thống dần mai một

Sơn son, thép vàng và sơn mài là nghề truyền thống của làng Hạ Thái, xã Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội. Với lịch sử 200 năm, từ lâu, Hạ Thái được biết tới là nơi sản xuất các loại sản phẩm như đồ thờ cúng, tượng Phật, đồ dùng trang trí nội thất, tranh sơn mài, sơn khắc... Bên cạnh các sản phẩm truyền thống, các sản phẩm sơn mài Hạ Thái ngày càng đa dạng, đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Sơn mài Hạ Thái không chỉ được tiêu thụ ở thị trường trong nước, mà còn xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới như: Anh, Nhật, Pháp, Italy, Hàn Quốc, Mỹ... Sở dĩ sản phẩm của làng nghề Hạ Thái được nhiều người ưa chuộng do người dân nơi đây sử dụng sơn ta, pha theo kinh nghiệm truyền thống, tạo nên những sản phẩm sơn mài mịn, có độ bóng sâu, độ bền cao, có thể giữ được khoảng 300-400 năm.



Tuy vậy, làng nghề Hạ Thái đang có những thay đổi lớn. Nghệ nhân Đỗ Trọng Tuất, 78 tuổi, cho biết, nếu trước đây, sản phẩm của làng hoàn toàn được làm thủ công, thể hiện tay nghề khéo léo của người thợ, thì hiện nay, với những ứng dụng của công nghệ, máy móc, cho phép tạo ra những sản phẩm hàng loạt, làm giảm giá trị của sản phẩm và khiến môi trường bị ô nhiễm.

Chất liệu sơn sử dụng cũng khác xưa. Việc dùng sơn Nhật như hiện tại không mang lại một sản phẩm đẹp với độ bóng sâu. Tuy nhiên, lượng tiêu thụ sản phẩm loại này lại cao hơn nhiều lần so với chất liệu cũ bởi sản phẩm nhanh khô, dễ xử lý và có giá thành thấp hơn 3-4 lần so với sản phẩm làm bằng sơn ta. Vì thế, các sản phẩm sơn mài truyền thống không có thị trường tiêu thụ.

Ít thợ có tay nghề cao

Theo Phó chủ tịch Hiệp hội Làng nghề sơn mài Hạ Thái Đỗ Hữu Sáng, hiện làng có khoảng 80% người dân làm nghề, với 190 hộ gia đình. Trong làng vẫn còn những hộ gia đình làm theo phương pháp truyền thống, có bí quyết riêng nên vẫn giữ được nghề cha truyền con nối như: nghệ nhân Đỗ Trọng Tuất chuyên về những sản phẩm sơn son thếp vàng; nghệ nhân Trần Thanh Đạt với tranh sơn mài và sơn khắc... Tuy nhiên, những người thợ có tay nghề cao ngày càng ít. Đa số thanh niên hiện nay chỉ chạy theo nghề, không tâm huyết với nghề. Cũng có nhiều người theo học mỹ thuật nhưng lại chọn những ngành học không chuyên về sơn mài...



Trước đây, trong thời kỳ bao cấp, các nguồn hàng, hợp đồng xuất khẩu đều từ Bộ Công thương phân đến các tổng công ty, rồi từ các công ty phân đến các xí nghiệp và các xí nghiệp giao cho từng hợp tác xã, nên có trật tự và tổ chức cao. Nhưng đến nay, do không có sự chỉ đạo thống nhất, cạnh tranh về giá cả khiến chất lượng sản phẩm giảm. Vấn đề bản quyền trong việc sáng tạo mẫu ít được quan tâm. Các sản phẩm trong các hộ gia đình thường trùng nhau, do sao chép lại nên chỉ mang tính hàng loạt...

Nhằm giải phóng môi trường làng nghề và phát triển bền vững, Bộ Công thương, Sở Công nghiệp Hà Tây (cũ) cùng với tổ chức phi chính phủ JICA của Nhật Bản đã đầu tư để quy hoạch và xây dựng khu công nghiệp làng nghề sơn mài Hạ Thái trên diện tích rộng, tạo cơ hội tập trung sản xuất, phát huy hiệu quả và cũng là một điểm tham quan, du lịch hấp dẫn.

Ông Đỗ Hữu Sáng cho biết: Đây cũng là cơ hội lớn để mở rộng nguồn tiêu thụ cho sản phẩm thủ công truyền thống giúp nâng cao chất lượng sản phẩm làng nghề. Hiệp hội làng nghề sơn mài Hạ Thái cũng sẽ sớm xây dựng một khu trưng bày những sản phẩm truyền thống của làng nghề để giới thiệu, quảng bá các sản phẩm thủ công độc đáo của làng đến du khách tham quan.

Nón Làng Chuông

Làng Chuông (Thanh Oai - Hà Nội) là làng nghề nổi tiếng với truyền thống làm nón lâu đời. Đến đây, du khách mới phần nào hiểu được vì sao chiếc nón của người Việt ta lại mang đậm hồn cốt dân tộc đến thế!

Người làng Chuông chỉ chuyên làm nón. Từ bao đời nay vẫn vậy. Nhưng nón làng Chuông nổi tiếng không phải bởi vì được làm ở làng nghề có hàng trăm năm tuổi, mà bởi vì nón làng Chuông có nhiều điều đặc biệt hơn những nơi khác.



Nếu là khách sành nón, chỉ cần cầm trên tay thôi là biết có phải nón làng Chuông hay không. Vì một khi đã là nón làng Chuông thì nó không chỉ đẹp mà còn phải phẳng, thưa đường chỉ mà vẫn chắc, cô Vũ Thị Thanh, nghệ nhân làm nón trong làng tự hào nói Một chiếc nón hoàn chỉnh cần phải trải qua rất nhiều các công đoạn khác nhau. Từ chọn mua vòng sao cho tròn mà phải chắc; chọn lá và mo trúc để lót sao cho trắng, mỏng mà vẫn dai...rồi đến các công đoạn bứt vòng, quay, thắt nón, núc cạp và cuối cùng là lồng nhôi.

Công đoạn nào cũng khó, cũng cần sự tỉ mỉ. Nó không chỉ cần người thợ có sự khéo léo, cẩn thận mà dường như cần cả sự yêu lắm cái nghề mà cha ông đã vất vả lưu giữ và truyền lại.

Nón làm ra được mang ra chợ Chuông bán cho khách mua buôn vào các ngày chẵn âm lịch. Còn nón cho khách đặt hàng ở xa thì được bó cẩn thận (150 đến 200 chiếc/ bó), rồi gửi ô tô. Cứ như thế, chiếc nón làng Chuông đã có mặt ở rất nhiều tỉnh thành khác nhau trên đất nước ta. Làng Chuông, với hàng trăm năm tuổi nghề, đã và đang lưu giữ nét độc đáo của nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc trong từng chiếc nón.

Làng đúc đồng Ngũ Xã

Kẻ chợ là tên gọi dân gian kinh thành Thăng Long xưa, theo nghĩa hẹp, chỉ khu phố phường dân cư của kinh thành thời Lê - Trịnh, phân biệt với khu Hoàng thành của vua quan.

Kẻ chợ tập trung của nhiều phường thợ từ khắp nơi đổ về. Đời sống kinh tế - xã hội của Kẻ chợ gắn bó mật thiết với hệ thống giao thông thương cảng - sông (sông Nhị và sông Tô Lịch) và các thôn phường chuyên nghiệp ven đô (như các làng giấy, gốm, dệt, đúc đồng...). Kẻ chợ được xem là nơi phồn vinh bậc nhất, đương thời có câu "Nhất Kinh kì, nhì phố Hiến". Để tồn tại và phát triển được ở đất kinh kỳ, người thợ phải giỏi, tinh nghề biết giữ uy tín và quan trọng hơn cả là phải biết liên kết thành phường hội.



Các công nhân đang làm việc tại xưởng đúc Mai Hoa của nghệ nhân Nguyễn Văn Ứng tại đường Hồng Hà ngay gần làng Ngũ Xã xưa

Theo sử sách ghi lại: Vào khoảng đời Lê (1428-1527) có một số thợ đúc đồng quê ở 5 xã Đông Mai, Châu Mỹ, Lộng Thượng, Đào Viên (hay Thái Tì) và Điện Tiền (có tên nôm là làng Hè, làng Me, làng Ròng, làng Dí trên, làng Dí dưới) đều thuộc huyện Siêu Loại (nay thuộc vùng Thuận Thành - Bắc Ninh và Văn Lâm - Hưng Yên) cùng nhau ra bán đảo hồ Trúc Bạch lập nên một làng gọi là Ngũ Xã Tràng (trường đúc của 5 xã) và mở lò đúc các sản phẩm bằng đồng như nồi, đỉnh, chuông, tượng, đồ thờ và cả tiền đồng. Về sau làng được tổ chức thành phường nghề riêng, gọi là phường đúc đồng Ngũ Xã, nay là phố Ngũ Xã, thuộc quận Ba Đình - Hà Nội

Theo thời gian nghề đúc đồng Ngũ Xã được trọng dụng và phát triển hưng thịnh. Thời ấy nghề đúc đồng Ngũ Xã đã được coi là 1 trong 4 nghề tinh hoa bậc cao của Thăng Long xưa. Điều này được thể hiện trong câu vè được lưu truyền từ bao đời: "Lĩnh hoa Yên Thái, đồ gốm Bát Tràng, thợ vàng Định Công, thợ đồng Ngũ Xã".

Hai minh chứng cho sự tinh hoa và hưng thịnh của nghề đúc đồng Ngũ Xã là pho tượng đồng Trần Vũ hay còn gọi là tượng Huyền Thiên Trần Vũ ở đền Quán Thánh tượng cao khoảng 3,9m nặng khoảng 4 tấn và pho tượng Phật Adidã cao 3,95m, chu vi tượng 11,6m, nặng hơn 10 tấn toạ trên một đài sen bằng đồng có 96 cánh ở chùa Thần Quang nằm ngay tại làng Ngũ Xã.

Ngũ Xã bây giờ - Nhất nghệ tinh nhất thân vinh

Trải qua bao thăng trầm lịch sử, làng Ngũ Xã nay đã thành phố xá tấp nập. Nơi đây chỉ còn lại ngôi đình Ngũ Xã, chùa Thần Quang và hiện chỉ còn hai nghệ nhân đúc đồng là ông Nguyễn Văn Ứng và bà Ngô Thị Đan (con dâu của dòng họ Nguyễn) là còn "sống, chết" với nghề. Thật mừng, hai hộ này đều làm ăn khá khả, tạo ra nhiều sản phẩm độc đáo có tính kế thừa cao. Nhiều khách hàng đến đây đặt làm nhiều đồ đồng khác nhau, có những đồ đúc đồng giá trị hàng tỷ đồng



Ông Ứng tiếp tôi tại phòng trưng bày các phẩm đúc đồng tại nhà của mình ở mặt phố Trần Vũ. Ở cái tuổi 60, ông Ứng được biết đến như một nghệ nhân đạt đến trình độ cao của nghề đúc đồng. Có thể thấy rõ điều đó qua nhiều sản phẩm được trưng bày ở đây. Những năm gần đây đời sống ngày càng cao hơn, nhu cầu sử dụng và “chơi” đồ đúc đồng tăng mạnh nhờ đó ông Ứng làm không hết việc. Những tác phẩm đúc đồng tinh xảo như tượng cỡ lớn, chuông, đồ thờ... của ông luôn được ưa chuộng, ông bán hàng cho khắp cả nước, có nhiều khách quốc tế đến từ Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Pháp, Trung Quốc... tới thăm quan và đặt mua các sản phẩm đúc đồng mà họ yêu thích. Tuy vậy, ông Ứng cho biết, khách hàng nhiều và tạo doanh thu nhiều nhất cho ông lại toàn là người trong nước mua về nhà chơi hoặc để tặng nhau.



Trải qua bao thăng trầm lịch sử, làng Ngũ xã nay đã thành phố xá tấp nập. Nơi đây chỉ còn lại ngôi đình Ngũ Xã, chùa Thần Quang

Chiếc chuông đồng cao 3 mét nặng gần 6 tấn giá khoảng 2 tỷ đồng khách đặt làm đang được ông cùng các con đúc tại xưởng. Không chỉ làm đồ truyền thống, ông Ứng còn làm cả tượng chân dung. Đây là một việc rất khó do phải thể hiện được thần thái của nhân vật qua liệu đồng. Nhiều chân dung Bác Hồ, lãnh đạo cấp cao của Nhà nước và các vị anh hùng dân tộc đã được ông Ứng thể hiện thành công như tượng Bác Hồ đặt tại UBND Thành phố, tượng nữ anh hùng Võ Thị Sáu tại Bảo tàng Phụ nữ...

Để mở rộng sản xuất, ông đã thuê đất, đào tạo thợ làm hàng. Xưởng của ông có đến 20 thợ, tất cả đều là con cháu của ông. Ông Ứng có 3 người con trai thì cả 3 người con đều đã được ông truyền lại nghề từ khi còn nhỏ. Hiện nay, các con ông đều có thể đảm đương được việc đúc các pho tượng có kích thước lớn và đòi hỏi sự tinh xảo cao. Điều ông tâm đắc đó là con ông đều có ý định tiếp bước theo nghề của cha ông.

Người thứ hai tôi gặp là nữ nghệ nhân đúc đồng Ngô Thị Đan, 58 tuổi. Trong căn nhà nhỏ chừng 30 mét ở phố Nam Tràng, đồ đồng bày la liệt chỉ chừa lại một lối đi nhỏ. Cũng như ông Ứng, bà Đan cũng có xưởng đúc bên Gia Lâm với 20 thợ. Hiện bà có 2 con trai nối nghiệp, thay bà làm hàng. Là người có thâm niên trong nghề nên khách hàng nhiều nơi tìm đến bà để đặt hàng, sản phẩm của bà làm ra cũng bán khá chạy. Nhiều bức tượng đồng, chuông đồng, đỉnh đồng cỡ lớn được bà làm ra như pho tượng phật cao 2,5 mét ở chùa Phổ Quang, chiếc đèn đồng cao hơn 1 mét ở Đền Quan Thánh... Mặc dù cao tuổi, nhưng bà Đan có tư duy rất cởi mở. Để đa dạng hoá và làm độc đáo sản phẩm, bà Đan cũng mời nhiều thợ giỏi từ nơi khác đến cộng tác như thợ trạm bạc, thợ điêu khắc... Chính vì thế, nhà bà có nhiều mẫu sản phẩm tinh xảo. Bà Đan cũng được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân làng nghề đúc đồng Ngũ Xã.

Cũng như ông Ứng, khách hàng của bà chủ yếu là những người trong nước thích “chơi” đồ đồng. Bà tâm sự vui với tôi: ‘Nhà có nhiều khách nước ngoài đến thăm và mua hàng nhưng họ mua ít và trả rẻ lắm. Tây gì mà mặc cả từng nghìn đồng, khách hàng chủ yếu của tôi là các “đại gia” mua đồ về bày ở nhà’.

Nghề tinh xảo 5 trong 1

Ông Ứng cho biết, nghề đúc đồng là nghề 5 trong 1. Một người thợ đúc đồng giỏi phải thành thục 5 việc. Đầu tiên là kỹ thuật tạo hình, tức là làm ra mẫu cần đúc giống như một nhà điêu khắc; tiếp theo là tạo khuôn để đúc thành hình; sau khi tạo khuôn thì phải nắm kỹ thuật đúc bao gồm việc pha chế đồng, nấu đồng và rót đồng; đúc xong đều phải sửa nguội, đối với một số sản phẩm như lọ hoa, lư đồng, khánh... thì phải trạm khắc trên bề mặt do đó phải nắm vững cả kỹ thuật trạm; sau cùng là kỹ thuật đánh bóng. Đây là 5 kỹ thuật tinh xảo khiến cho nghề đúc trở thành một nghề công phu, phải thực sự có tâm huyết và tài năng mới theo được nghề.

Ông Ứng nhấn mạnh, làm nghề là phải có “tâm” với nghề, phải xác định “sinh nghề tử nghiệp”. Có nhiều thợ trẻ sau một thời gian phải bỏ nghề do không chịu được vất vả, hoặc không đủ kiên nhẫn để học đủ hết nghề. Có rất nhiều bí quyết trong nghề mà theo quy định trong họ tộc không truyền cho người ngoài. Ông Ứng kể cho tôi một ví dụ, việc đắp khuôn phải đắp bằng vật liệu đặc biệt kết hợp với nấu đồng và rót đồng nóng chảy vào khuôn. Đây là 2 kỹ thuật chính tạo ra tiếng chuông kêu trong, vang ngân. Nhiều làng nghề khác, do không giỏi ngón nghề này nên khi đúc ra chuông bị “câm” đánh không kêu vang. Ông Ứng cũng đã từng phải mời một vị khách nước ngoài ra khỏi xưởng do vị khách đến thăm xưởng để học lỏm kỹ thuật và vật liệu đúc khuôn của ông.

Mở rộng hay giữ bí quyết nghề?

Bà Đan tâm sự: “Thật vui khi 2 người con trai của tôi đều nối nghiệp tổ tông. Hiện tại, chúng có khả năng thực hiện mọi công việc từ dễ đến khó trong nghề”.

Không truyền nghề ra ngoài đó là quy ước xưa của làng nghề. Tuy vậy trong thời kỳ hội nhập, với tư duy đổi mới, ông Ứng cũng đã có dự định sẽ mở một xưởng dạy nghề đúc đồng, với mong muốn nghề đúc đồng của Ngũ Xã sẽ được lưu giữ và tồn tại mãi mãi cùng những nét tinh hoa của đất Hà thành xưa. Đó cũng chính là mong ước của nhiều lãnh đạo Thành uỷ và UBND thành phố Hà Nội.



Tượng Huyền Thiên Trấn Vũ ở đền Quán Thánh (Hà Nội) được đúc năm 1677. Tượng cao khoảng 3,9m và nặng khoảng 4 tấn. Tượng đúc Huyền Thiên Trấn Vũ mặt vuông, mắt nhìn thẳng, râu dài, tóc xoã không đội mũ, mặc áo đạo sĩ, ngồi trên bục đá, tay trái bắt quyết, tay phải chống gươm có rắn quấn và chống lên lưng một con rùa. Tượng Huyền Thiên Trấn Vũ là một công trình nghệ thuật độc đáo, đánh dấu kỹ thuật đúc đồng và tài nghệ của nghệ nhân đúc đồng Ngũ Xã cách đây 3 thế kỷ.

Nghề làm giấy làng Bưởi

Câu ca dưới đây nói về một vùng quê, có chợ Bưởi, làng Bưởi, xưa còn có cả Trường Bưởi. Nhưng nổi tiếng là một vùng có làng nghề làm giấy và dệt lĩnh, những nghề này đã in đậm vào trí nhớ mọi người với những câu ca mộc mạc:



Đường nhỏ trong làng Bưởi.

Nhấn ai trẩy hội Kinh thành

Mua cho tám lĩnh hoa chanh đem về”

Hay:

“Người ta mua vạn bán ngàn

Thân em làm giấy cơ hàn vẫn vui

Dám xin nho sĩ chớ cười

Bởi em làm giấy để người chép thơ”

Nghề làm giấy làng Bưởi có từ xa xưa, danh nhân Nguyễn Trãi viết trong Dư địa chí: “Phường Yên Thái, huyện Quảng Đức làm giấy”. Làng Hồ Khẩu, làng An Thái làm giấy bản, làng Đông Xã làm giấy quỳ, làng Nghĩa Đô làm giấy sắc. Ngày 1-12-2007 hàng trăm người dân Nghĩa Đô đã tham gia đám rước Bằng công nhận Di tích quốc gia cho nhà thờ tổ nghề giấy sắc.

Lĩnh Bưởi là mặt hàng mềm mại, óng mượt, quý phái, quyến rũ. Khi vận vào người đường nét thân thể người phụ nữ được tôn lên đậm nét uyển chuyển.

Nhờ phát triển nghề dệt lĩnh, làm giấy, mà những người con làng Bưởi siêng năng học tập, làng nào cũng có người học rộng, đỗ cao, chỉ riêng làng Yên Thái đã có 5 vị đỗ tiến sĩ Nho học thời xưa.

Người kinh thành từ lâu đã biết đến chợ Bưởi. “Chợ Bưởi một tháng sáu phiên/ ngày tư, ngày chín nên duyên đèo bông”. Chợ vào những ngày này đông vui nhộn nhịp. Người từ Bắc Biên, từ Đông Ngàn qua bến đò Xù đến xứ Bưởi, có người từ trấn Sơn Tây, đi qua Cổ Nhuế đến chợ, người từ Hà Đông đi theo đường đê La Thành, hội tụ về đây... mang theo đủ thứ nông sản, hàng thủ công và dịch vụ, nên phiên chợ nào cũng tấp nập. Chợ Bưởi ngày nay đã khởi công xây lại từ năm 2003 theo tiêu chuẩn chợ loại một, trên diện tích 7.000m², với 3 tòa nhà 3 tầng diện tích sàn 7.800m² và 2.000m² làm chợ xanh. Trong chợ kinh doanh các mặt hàng vải, quần áo, tạp hóa, bánh kẹo, đồ gia dụng; có một siêu thị 2.000m², kinh doanh 20.000 mặt hàng.

Chợ Bưởi còn là khu trung tâm buôn bán các loại cây cảnh, cây giống, hoa tươi, chim cảnh, cá cảnh...

Ngày nay chợ Bưởi vẫn có một nét riêng khác biệt với các chợ khác ở Hà Nội, một khu phố còn mang dáng dấp một vùng quê đầy bản sắc.

Làng điêu khắc Sơn Đồng

Cách trung tâm thủ đô khoảng 15km, làng nghề truyền thống Sơn Đồng (Hoài Đức-Hà Nội) được biết đến là nơi giữ gìn và phát triển những tinh hoa văn hóa trong nghệ thuật điêu khắc của nước ta. Trải qua bao thăng trầm sóng gió cùng với lịch sử dân tộc, làng nghề Sơn Đồng cho đến ngày nay vẫn là nơi được lựa chọn đầu tiên khi mọi người cần đến những hoành phi, câu đối, những tượng phật, đồ thờ...



Nhà nào ở Sơn Đồng cũng có người biết trạm khắc

Làng nghề Sơn Đồng hình thành cùng với sự phát triển của phật giáo Việt Nam. Khi Lý Công Uẩn rời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra đất Thăng Long, người dân làng Sơn Đồng đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng kinh thành Thăng Long tráng lệ. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, nghề điêu khắc tượng, làm đồ thờ tưởng như mai một dần vì phải tập trung vào sản xuất và chiến đấu. Làng nghề này đứng trước nguy cơ bị mất sau gần 1000 năm tồn tại. Mãi đến những năm tám mươi, cụ Nguyễn Đức Dậu (người làng gọi là cụ Bá Dậu) - một nghệ nhân của làng từ thời Pháp thuộc, đã đứng ra tổ chức các lớp học điêu khắc sơn mài để truyền lại cho con cháu. Và giờ đây, hơn 30 học trò của cụ Bá Dậu trở thành những người thầy, những người chủ xưởng xuất sắc, đang tiếp tục truyền dạy lại cho con em trong làng.

Nghệ nhân Nguyễn Viết Thanh, một trong số các học trò của cụ Bá Đậu và cũng là chủ tịch hội làng nghề Sơn Đồng cho biết: “làng chủ yếu là làm tượng phật và các đồ thờ tự. Trong xã Sơn Đồng có hơn 1500 hộ, hộ nào cũng có ít nhất một người biết chạm khắc gỗ, sơn mài. Làm nghề này không cần “mẫu sinh kờ”, vì chúng tôi đã được họa tập từ khi còn “trứng nước”. Phải am hiểu nhà Phật mới làm được tượng có hồn”. Nguyên liệu người làng Sơn Đồng dùng để làm tượng phật hay những đồ thờ tự thường là gỗ mít, gỗ dổi...đặc biệt có gỗ vàng tâm, một loại gỗ quý, nhẹ (có khi để được đến 500 năm nếu bảo quản tốt) cũng là một nguyên liệu người làng hay sử dụng. Những loại gỗ này phải tuân theo đúng quy tắc và chuẩn mực nhất định mới được sử dụng nên chất lượng của những sản phẩm nơi đây luôn được đảm bảo, độ dài tuổi thọ của sản phẩm luôn lâu hơn những sản phẩm của nơi khác.



Sơn Đồng nổi tiếng với những sản phẩm là đồ thờ

Người làng Sơn Đồng tự hào vì họ đã góp phần làm hồi sinh nhiều di tích lịch sử như đền Hai Bà Trưng ở Mê Linh, đền An Sinh thờ tám vị hoàng đế nhà Trần tại Quảng Ninh, đồ nội thất trong hoàng thành Thăng Long... Việc chạm trổ không xa lạ đối với cả những em nhỏ, những cụ già, ai ai cũng quanh năm say mê, miệt mài làm việc, tạo ra những bức tượng, những họa phẩm đã ăn sâu vào thế giới tâm linh của người dân Việt Nam: tượng A-di-đà, tượng Di-lặc, Tam đa, hoành phi câu đối, cuốn thư... Nhờ vào sự cần cù chăm chỉ cộng với tay nghề cao, bộ mặt làng nghề Sơn Đồng đã ngày một thay đổi nhanh chóng. Từ một làng nông nghiệp sau hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, giờ đây làng nghề Sơn Đồng đã nổi tiếng khắp trong Nam ngoài Bắc và cả trên thế giới. Có hơn gần 400 hộ chuyên làm tạc tượng phật, điêu khắc, sơn son thiếp vàng thu hút khoảng 4000 lao động địa phương và hơn 1000 lao động ở các tỉnh khác.

Anh Nguyễn Hồng Sơn, chủ xưởng điêu khắc chạm trổ Sơn Dung cho biết gia đình anh mỗi năm thu về 200 triệu sau khi đã trừ chi phí sản xuất. Nhiều hộ sản xuất tại nơi đây có quan hệ làm ăn với những mối đặt hàng ở nước ngoài, mỗi năm họ xuất xưởng hàng nghìn sản phẩm có giá trị thẩm mỹ cao. Nhiều gia đình có tới 3 xưởng sản xuất như gia đình anh Nguyễn Lương Hồng, bác Nguyễn Viết Thanh...



Nét tinh xảo của sản phẩm đã tạo nên tên tuổi của Sơn Đồng

Ý thức được việc bảo tồn và phát huy nghề truyền thống cha ông, ngoài sự nỗ lực cố gắng phấn đấu của thợ, chính quyền địa phương đã thành lập Hiệp hội làng nghề và mở nhiều lớp đào tạo, nâng cao tay nghề của thợ, giúp cho giới trẻ ly nông mà không phải ly hương. Ngoài ra, Hiệp hội làng nghề Sơn Đồng còn có quy chế bảo mật về bí quyết làm nghề, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh giữa các xưởng sản xuất, thống nhất về giá sản phẩm... Tiến tới kỉ niệm đại lễ 1000 năm Thăng Long, Hà Nội, Hiệp hội làng nghề Sơn Đồng đã phát động cuộc thi sản phẩm làng nghề tay nghề giỏi, thu hút hàng trăm tay thợ tài ba khéo léo tham gia. Ý thức càng có nhiều thợ giỏi thì tinh hoa văn hóa Việt sẽ được trường tồn, đem lại hạn phúc ảm no luôn được người Sơn Đồng nhắc nhở nhau. Và họ coi đó là niềm tự hào, là những cái cần phải bảo tồn, phát triển.

Làng gổm Giang Cao

Làng gổm Giang Cao trước đây có tên gọi là Đông Sáng, sau đổi thành Đồng Ca và đến thời nhà Nguyễn trước đời vua Ứng Xuy, niên hiệu Đồng Khánh (1885-1888), được đổi thành Giang Cao. So với lịch sử làm gổm của Kim Lan (800 năm) và làng Bát Tràng (700 năm), làng gổm Giang Cao tuổi nghề còn trẻ, nhưng với sự năng động sáng tạo và sức bật vào nghề của đội ngũ thợ trong làng nên sản phẩm gổm Giang Cao đã nhanh chóng có chỗ đứng trên thị trường. Theo các cụ kể lại, trước đây, người dân làng Giang Cao chủ yếu đi làm thuê cho các lò gổm ở làng Bát Tràng. Thời Pháp thuộc, năm 1941, ông Phán Sồ (người đã đỡ Tú tài) đầu tư xây dựng xưởng sản xuất gổm sứ Ngọc Quang, được coi là xưởng gổm đầu tiên của làng Giang Cao.



Ông Đặng Đình Túc, nguyên Chủ tịch UBND xã Bát Tràng cho biết: "Năm 1961, Giang Cao ra đời hai tổ sản xuất Hợp Lực và Trí Thành, mỗi tổ có khoảng 20 người. Tháng 5-1962, sáp nhập với nhau thành hợp tác xã Hợp Thành. HTX ban đầu chỉ có khoảng 400m² với 39 xã viên nhưng sau một năm đã mở rộng diện tích trên 1000m², xây được lò gổm với 5 bầu, sản lượng mỗi năm từ bảy trăm ngàn đến hơn chín trăm ngàn sản phẩm, chất lượng tốt, xuất khẩu đi nhiều nước... Nhờ thành tích đó mà HTX Hợp Thành được Chính phủ giao nhiệm vụ sản xuất bát lá sen, chậu cảnh trồng cây ở Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và được làm lọ hoa rạn, đắp nổi dâng chúc thọ Chủ tịch Tôn Đức Thắng. Năm 1976, HTX được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba".

Kế thừa và phát huy được những tinh hoa trong nghề làm gổm của những người đi trước, con cháu làng Gổm Giang Cao hiện nay tiếp tục phấn đấu đưa sản phẩm của làng có mặt ở rất nhiều thị trường trên thế giới như Nhật, Mỹ, Hàn Quốc, Đài Loan, Anh, Pháp.... Không chỉ có chất lượng tốt, gổm Giang Cao còn chinh phục khách hàng bởi mẫu mã đẹp. Để làm được như vậy, các sản phẩm gổm Giang Cao phải tuân theo một quy trình sản xuất khắt khe.

Đầu tiên là khâu chọn đất. Đất làm gốm là đất sét trắng được khai thác ở Hồ Lao, Trúc Thôn vì đất ở đây có độ dẻo cao, khó tan trong nước, hạt mịn, màu trắng xám, độ chịu lửa ở khoảng 1.650 độ C. Sau khi lấy đất về phải qua khâu pha chế. Trong đất nguyên liệu thường có lẫn tạp chất, ngoài ra tùy theo yêu cầu của từng loại gốm khác nhau mà có thể có những cách pha chế đất khác nhau để tạo ra sản phẩm phù hợp. Sau khi đã có đất thành phẩm là đến khâu tạo dáng.

Phương pháp tạo dáng cổ truyền của người làng Giang Cao là làm bằng tay trên bàn xoay. Trong khâu tạo dáng, người thợ gốm sử dụng phổ biến lối "vuốt tay, be chạch" trên bàn xoay. Người thợ "đắp nặn" gốm phải là người có trình độ kỹ thuật và mỹ thuật cao. Có khi họ đắp nặn một sản phẩm gốm hoàn chỉnh, nhưng cũng có khi họ đắp nặn từng bộ phận riêng rẽ của một sản phẩm và sau đó tiến hành ghép lại.



Hiện nay theo yêu cầu sản xuất gốm công nghiệp hay mỹ nghệ, nghề nhân gốm ở Giang Cao có thể đắp nặn một sản phẩm mẫu để đổ khuôn thạch cao phục vụ cho việc sản xuất hàng loạt. Sau đó sản phẩm gốm được mang đi phơi sấy và sửa lại, nếu theo yêu cầu trang trí, có thể đắp thêm đất vào một vài vùng nào đó trên sản phẩm rồi cắt tỉa để tạo hình (đắp phù điêu), có khi phải khắc sâu các họa tiết trang trí trên mặt sản phẩm...Hoặc nếu vẽ hoa văn thì thợ gốm dùng bút lông vẽ trực tiếp trên nền mộc các hoa văn họa tiết.

Thợ vẽ gốm phải có tay nghề cao, hoa văn họa tiết phải hài hòa với dáng gốm, các trang trí họa tiết này đã nâng nghề gốm lên mức nghệ thuật, mỗi cái là một tác phẩm. Thợ gốm Giang Cao đã dùng rất nhiều hình thức trang trí khác, có hiệu quả nghệ thuật như đánh chỉ, bôi men chảy màu, vẽ men màu...Khi sản phẩm mộc đã hoàn chỉnh, người thợ gốm có thể nung sơ bộ sản phẩm ở nhiệt độ thấp rồi sau đó mới đem tráng men hoặc dùng ngay sản phẩm mộc hoàn chỉnh đó trực tiếp tráng men lên trên rồi mới nung.

Sản phẩm mộc trước khi đem tráng men phải được làm sạch bụi bằng chổi lông. Kỹ thuật tráng men có nhiều hình thức như phun men, dội men lên bề mặt cốt gốm cỡ lớn, nhúng men đối với loại gốm nhỏ nhưng thông dụng nhất là hình thức láng men ngoài sản phẩm, gọi là "kìm men", và khó hơn cả là hình thức "quay men" và "đúc men". Sản phẩm mộc sau quá trình gia công hoàn chỉnh được đem vào lò nung. Ở Giang Cao thường sử dụng 3 loại lò nung: lò bầu, lò hộp và hiện nay phổ biến nhất là lò gas. Xếp sản phẩm trong lò nung như thế nào là tùy theo sản phẩm và hình dáng kích, cỡ của bao nung trên nguyên tắc vừa sử dụng triệt để không gian trong lò vừa tiết kiệm được nhiên liệu mà lại đạt hiệu quả nhiệt cao.

Thời gian đốt lò kể từ lúc nhóm lửa đến khi hoàn toàn tắt lửa kéo dài khoảng 3 ngày 3 đêm. Sau khi nung xong, người ta bịt hết các cửa lò, lỗ giò, lỗ xem lửa để làm nguội từ từ. Quá trình làm nguội trong lò kéo dài 2 ngày 2 đêm, sau đó mới mở cửa lò và để tiếp 1 ngày 1 đêm nữa rồi mới tiến hành ra lò. Sau khi lò nguội, sản phẩm ra lò được đánh giá phân loại và sửa chữa lại các khuyết tật (nếu có thể được) trước khi đem ra phân phối sử dụng.

Sản phẩm gốm sứ Giang Cao với nhiều chủng loại, nhiều màu sắc, chất lượng độc đáo mang đậm nét văn hóa dân tộc. Nhiều dòng gốm đang thu hút sự chú ý của khách hàng trong và ngoài nước như gốm men giả đá, men rạn, men co, men ngọc... được thể hiện trên các loại sản phẩm như lọ hoa, tượng, con giống, mảnh tranh gốm, đồ thờ... Đặc biệt một số cơ sở sản xuất gốm của làng chuyên sâu vào lĩnh vực gốm ứng dụng trong kiến trúc và mỹ thuật.

Hiện nay, Giang Cao có 41 công ty, doanh nghiệp tư nhân và 774 hộ tham gia sản xuất gốm sứ. Sản phẩm gốm sứ ước tính theo quy đổi của làng luôn chiếm hơn 55% tổng sản phẩm của xã Bát Tràng. Tiếng tăm vang xa, sản phẩm gốm Giang Cao vinh dự được chọn cung cấp nguyên liệu cho dự án Con đường Gốm sứ ven sông Hồng - công trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, phục hồi di tích Hoàng thành Thăng Long, di tích Cố đô Huế, khu chùa Bái Đính ở Ninh Bình. Đáp đền sự nỗ lực của một làng gốm "sinh sau đẻ muộn", ngày 15/2 âm lịch vừa qua, Giang Cao vinh dự đón nhận Bằng công nhận Làng nghề truyền thống Hà Nội cùng với 15 làng nghề khác do UBND Thành phố trao tặng. Đây chính là động lực để gốm Giang Cao vươn xa hơn nữa trong làng gốm Việt Nam.

Làng Quạt Kẽ Vác

Hỡi cô thắt giải bao xanh/ Có về Canh Hoạch với anh thì về/ Canh Hoạch ít ruộng nhiều nghề/ Yêu nghề quạt giấy hay nghề đan khuya?

Ca dao xưa đã ca ngợi một nghề truyền thống trên đất trăm nghề, đó là nghề làm quạt ở Canh Hoạch (tên chữ của làng Vác hay còn gọi là Kẽ Vác). Nay thuộc xã Dân Hoà, huyện Thanh Oai, Hà Nội.

Lịch sử một làng nghề



Phơi quạt

Không biết chiếc quạt giấy có từ thuở nào, chỉ biết rằng, nó được sử dụng từ rất lâu, là vật dụng quen thuộc trong cuộc sống đời thường của người dân. Chỉ đơn thuần là một chiếc quạt giấy, nhưng nó lại chứa đựng trong đó nét đẹp văn hóa truyền thống, đậm bản sắc Việt Nam cũng như mang ý nghĩa giá trị tinh thần sâu sắc của người dân làng Vác.

Làng Vác, Kẽ Vác hay Canh Hoạch, xã Dân Hoà, Thanh Oai, là một làng quê có nhiều nghề thủ công truyền thống trong đó nổi tiếng nhất là nghề làm quạt giấy.

Quạt Vác bắt đầu xuất hiện từ nửa cuối thế kỷ 19, cách đây khoảng 140-150 năm, do Mai Đức Siêu- người được coi là ông Tổ của làng khởi nghiệp. Dần dần nhiều gia đình theo nghề và chẳng bao lâu cả làng Canh Hoạch đều làm quạt. Trước kia thợ Vác từ chỗ chỉ sản xuất quạt bán quanh vùng quê mình, đã tiến lên làm các loại quạt kỹ, quạt quý xuất khẩu và tham dự các cuộc đấu xảo, hội chợ ở Hà Nội và Paris.

Những người thợ quạt làng Canh Hoạch mỗi khi ôn lại truyền thống nghề nghiệp của mình, bao giờ cũng nhắc đến sự kiện đáng nhớ: Vào năm 1946, dân làng Canh Hoạch cùng nhau làm một chiếc quạt biếu Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân kỷ niệm ngày sinh của

Người. Đó là chiếc quạt thước- một loại quạt giấy dài một thước ta- trên mặt quạt có châm kim hoa văn rất đẹp và hai bài thơ, trong đó có bài:

“Gió xuân hây hây ba kỳ mát/ Muối cỏ vo ve một phẩy tan/ Gia Cát quạt lông, Hồ quạt giấy/ Trước sau quét sạch lũ tham tàn”.

Tự hào hai tiếng quạt Vác

Quạt Vác vốn bền đẹp, khi quạt có nhiều gió. Nan cứng không mọt, được phất bằng nước cây tốt, dính, nhẹ, lại được phất bằng giấy dó thủ công rất mịn và dai nên xưa nay được dân gian ưa thích. Người làng Vác không chỉ duy trì từ nghề mà còn đưa quạt giấy lên tới đỉnh cao bậc nhất ở Việt Nam.

Trước kia, muốn làm quạt phải có một cái nan mẫu làm khuôn, ở đầu khuôn phải đóng sẵn một cái đinh con. Rồi khi làm theo, tất cả các nan đều phải đặt lên khuôn và làm đúng như vậy. Việc khoan lỗ cũng phải khoan riêng, mà lại xiên lỗ hai, ba nan một, sau mới chắp vào thành một cái quạt Cách này rất đơn giản nhưng năng suất lại thấp.

Về sau kỹ thuật làm quạt Vác nhiều lần cải tiến, nâng cao, dần dần trở nên tinh xảo và năng suất cao hơn nhiều. Tiêu chuẩn để có một chiếc quạt đẹp, bền, có hồn, đòi hỏi rất nhiều yếu tố, trong đó, yếu tố đầu tiên chính là nguyên liệu đặc trưng cần và đủ cho một chiếc quạt như: Tre tạo dáng cho chiếc quạt được chọn lựa rất kỹ lưỡng; tre được lấy ở nhiều nơi, nhưng tốt nhất vẫn là tre được trồng ở Lương Sơn - và ít bị mối mọt; giấy dó phải là giấy dó Bắc Ninh vì nó có độ bền cao và dai, tạo cảm hứng cho các nghệ nhân khi sáng tác các tác phẩm mang đậm “màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp”. Khi đã có đầy đủ nguyên liệu, người thợ bắt đầu các công đoạn hoàn chỉnh chiếc quạt.

Do quạt được làm thủ công nên có rất nhiều công đoạn nhỏ đến từng chi tiết. Khi chọn được tre đạt yêu cầu, việc đầu tiên là chẻ tre và ngâm tẩm tre cẩn thận, kỹ lưỡng để tránh bị mốc, mối mọt. Tiếp đến là đem ghép các nan tre đã chẻ lại với nhau rồi đóng nhai, dùng dao chuyên dụng gọt nan ghép cho thật đều.

Định hình khung quạt xong, người thợ bắt đầu dán giấy lên các nan sao cho bề mặt quạt phẳng, không bị nhăn giấy. Tiếp theo, người thợ với bàn tay tài hoa, khéo léo sẽ tạo hình trên mặt giấy nhiều chi tiết hoa văn, hình vẽ sống động... Khi tạo hình xong sẽ đến gập, quấn và xén những phần giấy thừa. Đây là công đoạn cuối cùng để làm nên chiếc quạt.

Ngày xưa, các cụ quy định một chiếc quạt gồm 17 hoặc 18 chiếc nan, nhưng bây giờ hầu hết đều làm theo yêu cầu của khách, họ đặt bao nhiêu nan thì làm bấy nhiêu. Sau khi hoàn chỉnh, nghệ nhân trang trí lên quạt nhiều hoa văn và hình vẽ truyền thống như hoa sen, hoa cúc, hay lưỡng long chầu nguyệt, tứ linh... bằng những nốt châm kim đều tăm tắp. Chuẩn mực của một chiếc quạt đẹp là nan phải nhẵn bóng, giấy nhuộm đều với

nốt châm kim tinh xảo. Đặc biệt, quạt làm bằng giấy dó có thể che lúc trời nắng, trời mưa mà vẫn giữ được độ bền, đẹp lâu năm.

Kỹ thuật châm kim trên quạt do thợ làm quạt ở làng Canh Hoạch sáng tạo ra từ những chiếc kim khâu được tết lại với nhau. Đây là một thủ pháp kỹ thuật phức tạp và độc đáo có một không hai, chỉ mới thấy có ở Việt Nam và cũng chỉ có làng Vác sử dụng kỹ thuật châm kim tạo hình và hoa văn trên quạt giấy một cách khéo léo mà thôi. Đề tài châm kim khá phong phú, đa dạng. Điều đặc biệt là người thợ không cần vẽ sẵn mẫu lên quạt, mà hình ảnh được hiện ra từ óc sáng tạo, tưởng tượng theo bàn tay cầm kim rê đi thoăn thoắt trên nền tím thẫm của quạt rất tinh vi.

Khi cầm quạt soi lên trời, ta sẽ nhìn thấy những hình vẽ hiện lên như một bức họa sống động như mây, rồng, phượng, tùng, trúc, cúc, mai... mà đường nét là những lỗ châm kim liền nhau, với kỹ thuật đạt tới độ chuẩn xác cao.

Cuộc sống ngày một khá hơn, con người dần tiếp cận và thích nghi với các đồ điện hiện đại như quạt điện, điều hòa nhiệt độ những tường nghề làm quạt sẽ mai một nhưng ngược lại nghề làm quạt khá ổn định chứ không bị rơi vào tình trạng mai một hay lúc thăng khi trầm như nhiều làng nghề truyền thống khác. Nghề làm quạt vẫn ngày một phát triển và người dân làng Vác vẫn duy trì việc làm. Trung bình thu nhập từ nghề khoảng 500 ngàn đến 700 ngàn đồng/gia đình/tháng. Vài năm trở lại đây, từ một vật dụng thông thường, quạt làng Vác đã trở thành món quà lưu niệm mang bản sắc Việt Nam.

Mỗi một chiếc quạt được làm ra đều ẩn chứa trong đó niềm vui, nỗi buồn, cũng như cuộc sống của người dân gắn bó cùng với sự hình thành và phát triển nghề làm quạt từ những ngày đầu tiên.

Chiếc quạt Vác được ví như “linh hồn” của làng, không chỉ để làm mát, nó còn là nhân chứng chứng kiến sự thăng trầm của lịch sử, của thời gian. Và để hàng năm, cứ vào tháng 3 âm lịch, những người con làng Vác tổ chức lễ hội làng với nghi lễ rước quạt để tỏ lòng thành kính với người đã đưa nghề quạt giấy trở thành nghề truyền thống của làng.